

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HSST

Ngày 04 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Văn Bình*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Dương Tấn Đầu*

*2/. Ông Đặng Thành Tấn*

*- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Sơn Thái Phong, Kiểm sát viên.*

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P Q đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

**1. Họ và tên: Đỗ Văn C**, sinh ngày 09/6/1995, tại H Đ, Kiên Giang; Nơi ĐKTT: Tổ 2, ấp K B, xã S K, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Văn M, sinh năm 1958 và bà Đặng Thị G, sinh năm 1960; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/3/2020 đến ngày 10/3/2020 chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P Q, (có mặt).

**2. Họ và tên: Thái Bảo T**, sinh năm 2000, tại C N, Cà Mau; Nơi ĐKTT: Ấp T C, Xã T T, huyện Đ D, Cà Mau; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê;

Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Thái Ngọc L, sinh năm 1968 và bà Cao Thị H, sinh năm 1973; bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/3/2020 đến ngày 10/3/2020 chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P Q, (có mặt).

**3. Họ và tên: Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1974, tại P Q, Kiên Giang; Nơi ĐKTT: khu phố A, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Hữu T, sinh năm không rõ (đã chết) và bà Trần Thị X, sinh năm không rõ (đã chết); bị cáo chưa vợ; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng đến ngày 21/11/2016 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/3/2020 đến ngày 10/3/2020 chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P Q, (có mặt).

**- Bị hại:**

1. Anh Trương Văn K, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Ô L, xã C D, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Nghiêm Thị Kim Y, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp S L, xã D T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

3. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn D Đ, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

4. Chị Lê Diễm M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Đ B, xã D T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp Tường 1, xã V P Đ, huyện P L, tỉnh Bạc Liêu

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** chị Lê Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp S M, xã D T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

(Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 25/02/2020 Đỗ Văn C, Thái Bảo T và Nguyễn Thanh S đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện P Q cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ ngày 10/02/2020, Đỗ Văn C đến phòng trọ của Thái Bảo T tại ấp Cây Thông Ngoài, xã Cửa Dương, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang rủ T đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. T lấy một cây kéo mang theo làm công cụ mở khóa xe đi bộ cùng với C tìm xe lấy trộm. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến nhà anh Trương Văn K tại khu phố 10, thị trấn Dương Đ, huyện P Q nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 67N1 – 0...3 của anh K đang đậu trước nhà không có người trông coi nên cả hai đi đến lấy trộm chạy về phòng trọ của T cất giấu làm phương tiện đi lại. Ngày 26 tháng 02 năm 2020, C và T mang xe đến bán cho bà Lê Thị H, sinh năm 1978, trú tại ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện P Q, với giá 700.000 đồng, C lấy 200.000 đồng, T lấy 500.000 đồng để tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/02/2020, Đỗ Văn C, Thái Bảo T và Nguyễn Thanh S đang ở phòng trọ của T, C rủ T và S đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì T và S đồng ý. S lấy xe mô tô biển số 67N1 – 0...3 đã trộm trước đó, chở T, C đến khu vực bãi biển thuộc ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, huyện P Q tìm xe mô tô để trộm. Khoảng 01 giờ cùng ngày, khi đến khu vực bãi biển là nơi những người đi biển thường đậu xe thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển số 68P1 – 0...8, màu đen bạc của chị Nghiêm Thị Kim Y và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68P1- 0...3, màu đỏ đen của chị Lê Thị H đậu gần nhau không có người trông coi nên C, T và S lấy trộm cả hai chiếc xe nói trên dẫn ra đường lộ. Lúc này T điều khiển xe Sirius, C điều khiển xe Jupiter còn S thì điều khiển xe Wave cùng nhau chạy về phòng trọ của T cất giấu. Sau đó, C kêu S tìm chỗ bán 02 xe mô tô vừa trộm được, nhưng xe không có giấy đăng ký nên không bán được, S lấy xe mô tô Sirius để làm phương tiện đi lại và trả cho T 300.000 đồng đã tiêu xài hết. C lấy xe Jupiter biển số 68P1 – 0...8, làm phương tiện đi lại và trả cho T 300.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 22/02/2020, Đỗ Văn C, Thái Bảo T và Thái Bảo Đ cùng nhau đi đến khu vực bãi biển gần khách sạn “Mường Thanh” thuộc ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, huyện P Q ngồi chơi. Khoảng 01 giờ ngày 23 tháng 02 năm 2020, T điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 68P1 – 0...8 (lấy trộm ngày 17/02/2020) đến các chốt bảo vệ để xin thuốc hút nhìn thấy 01 xe mô tô

hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 94E – 3..7, màu đỏ, đen bạc của anh Nguyễn Minh K đậu gần khách sạn AMON tại ấp đường Bào, xã Dương Tơ không có người trông coi, T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này nên điều khiển xe chạy đến chỗ C và Đ đang ngồi, T kêu C lên xe chở đến chỗ chiếc xe Wave Alpha, biển số 94E – 3.... T kêu C lấy trộm thì C đồng ý và đi đến mở khóa xe nhưng không mở được nên C lên xe ngồi cho T đẩy đến chỗ Đ và kêu Đ cắt nối dây điện nổ máy được thì T điều khiển xe vừa lấy trộm về phòng trọ của T ở cất giấu. Ngày 24/02/2020, T giao xe mô tô biển số 94E – 3....7 cho Đ mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 01/3/2020, Đ giao xe lại cho Đặng Văn H (sinh năm 2001 cư trú tại ấp Cây Thông Ngoài, xã Cửa Dương, huyện P Q) mượn.

Lần thứ tư: Vào khoảng 23 giờ ngày 25/02/2020, C, T và Đ cùng nhau đến khu vực đang xây dựng thuộc ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, huyện P Q để ngồi chơi. Khoảng 01 giờ ngày 26/02/2020, Đ bỏ về trước, còn lại C và T. Khoảng 02 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô Jupiter, biển số 68P1 – 0....8 chở T đi dạo chơi, khi đến Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại P Q thuộc ấp Đường Bào, xã Dương Tơ thì nhìn thấy chiếc xe Wave, biển số 68P1- 3....5, màu đen bạc của chị Lê Diễm M đậu phía ngoài Công ty không có người trông coi nên T kêu dừng xe lại để T lấy trộm, C đồng ý. T xuống xe đi lại chỗ xe mô tô của chị M rồi lấy dây kéo mang theo trong người mở khóa xe, dẫn xe đến chỗ C đang ngồi đợi. T điều khiển xe vừa lấy trộm được chạy về phòng trọ của T ở cất giấu để làm phương tiện đi lại. Đến ngày 02/3/2020, Thái Bảo T bị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản và cùng ngày 02/3/2020, cả 03 bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tang vật vụ án thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, số máy 201149, số khung 202049, biển số 67N1 – 0....3 màu xanh đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupier, số máy 5B94-122279, số khung 940BY2268, biển số 68P1 – 0...8 màu đen bạc đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, số máy 5C63-623608, số khung C630CY623557, biển số 68P1 – 0....3, màu đỏ đen đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, số máy JA39E0625013, số khung 3901HY649857, biển số 94E1 – 3....7 màu đỏ- đen bạc đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, số máy JA39E0625013, số khung RLHHC1255FY99598, biển số 68P1 – 3....5 đã qua sử dụng.

(Các tang vật trên đã trả cho chủ sở hữu)

Tại kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện P Q kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, số máy 201149, số khung 202049, biển số 67N1 – 0...3 màu xanh đã qua sử dụng, trị giá 650.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupier, số máy 5B94-122279, số khung 940BY2268, biển số 68P1 – 0...8 màu đen bạc đã qua sử dụng, trị giá 2.750.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, số máy 5C63-623608, số khung C630CY623557, biển số 68P1 – 0....3, màu đỏ đen đã qua sử dụng, trị giá 3.750.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, số máy JA39E0625013, số khung 3901HY649857, biển số 94E1 – 3....7 màu đỏ- đen bạc đã qua sử dụng, trị giá 4.250.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, số máy JA39E0625013, số khung RLHHC1255FY99598, biển số 68P1 – 3...5 đã qua sử dụng trị giá 7.250.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 84/CT-VKSPQ ngày 25/6/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn C, Thái Bảo T và Nguyễn Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo và những người bị hại không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đỗ Văn C từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Thái Bảo T từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thanh S từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đã trả cho chủ sở hữu đề nghị HĐXX không xem xét

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Đỗ Văn C và Thái Bảo T hoàn trả cho bà Lê Thị H 700.000 đồng (trong đó, bị cáo C phải trả 200.000 đồng, T phải trả 500.000 đồng).

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào các tài liệu, trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P Q, Viện Kiểm nhân dân huyện P Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị hại anh Trương Văn K, chị Nghiêm Thị Kim Y, chị Lê Thị H và chị Lê Diễm M, anh Nguyễn Minh K có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo T và C phải liên đới trả cho chị H số tiền 700.000 đồng.

Xét thấy, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện P Q và nội dung cáo trạng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày 10, 17, 22 và 25/02/2020, các bị cáo Đỗ Văn C, Thái Bảo T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 05 chiếc xe mô tô hiệu Honda đã nêu trên, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 18.650.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thanh S thực hiện hành

vi trộm cắp tài sản cùng với Đỗ Văn C và Thái Bảo T một lần vào ngày 17/02/2020 tài sản chiếm đoạt có giá trị là 6.500.000đ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thì: Hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo mà kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến đến dưới 50.000.000 đồng ” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[5] Vụ án có 03 bị cáo tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, phân tích trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Đối với Đỗ Văn C do không có tiền tiêu xài C rủ Thái Bảo T đi trộm cắp xe mô tô bán tiêu xài được T đồng ý. C và T đi tìm xe, khi đi T mang theo 01 cây kéo làm công cụ mở khóa, lợi dụng trong lúc sơ hở của anh Trương Văn K, Nghiêm Thị Kim Y, Lê Thị H, Nguyễn Minh K và chị Lê Diễm M dựng xe không có người trông coi trộm cắp để bán tiêu xài cá nhân. Do đó, bị cáo C là người có vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Thái Bảo T sau khi được C rủ đi trộm cắp thì T không ngăn cản mà đồng ý, khi đi T còn mang theo 01 cây kéo làm công cụ mở khóa cùng thực hiện trộm cắp nên T là người giúp sức cho C thực hiện hành vi. Bị cáo Nguyễn Thanh S khi C rủ đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý và lấy xe mô tô biển số 67N1 – 0...3 (C và T lấy trộm trước đó) chở T, C đến khu vực bãi biển tìm mô tô lấy trộm. Do đó, S có vai trò là người giúp sức tích cực trong vụ án này.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đỗ Văn C và Thái bảo T thực hiện trộm cắp tài sản nhiều lần thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng

xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra. Cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Đối với Thái Bảo Đ là người có liên quan trong vụ án nhưng Cơ quan Điều tra chưa triệu tập được, khi nào làm rõ xử lý sau.

[9] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Đỗ Văn C và Thái Bảo T hoàn trả cho bà Lê Thị H 700.000 đồng (trong đó, bị cáo C phải trả 200.000 đồng, T phải trả 500.000 đồng).

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện P Q đã trao trả cho người bị hại nên miễn xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn C, Thái Bảo T và Nguyễn Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/03/2020.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Bảo T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Đỗ Văn C và Thái Bảo T trả cho bà Lê Thị H 700.000 đồng (trong đó, bị cáo C phải trả 200.000 đồng, bị cáo T phải trả 500.000 đồng).



5. Về xử lý vật chứng: đã trả cho chủ sở hữu HĐXX không xem xét.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn). Bị cáo Đỗ Văn C, Thái Bảo T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện P Q;
- THA huyện P Q;
- Nhà tạm giữ huyện P Q;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi  
nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỒ VĂN BÌNH**